CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP TẠI VIỆT NAM

TS. Hoàng Đình Hương*

Trong bối cảnh tự chủ tài chính và cạnh tranh khốc liệt, kế toán quản trị chiến lược (KTQTCL) là công cụ then chốt giúp các trường đại học ngoài công lập tại Việt Nam duy trì lợi thế. Tuy nhiên, việc áp dụng thực tiễn vẫn còn hạn chế và thiếu vắng các nghiên cứu mang tính hệ thống. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu nhận diện và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện KTQTCL tại các cơ sở giáo dục này. Dựa trên sự kết hợp giữa lý thuyết tình huống và lý thuyết thể chế, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phân tích tài liệu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra hai nhóm nhân tố tác động chính. Về khách quan, sức ép cạnh tranh thị trường và hành lang pháp lý là nhân tố thúc đẩy quá trình chuyển đổi. Về nội tại, sự cam kết của Ban lãnh đạo, năng lực tư duy chiến lược của nhân sự kế toán, nền tảng công nghệ thông tin và định hướng chiến lược cạnh tranh là các trụ cột quyết định mức độ hiệu quả triển khai. Nghiên cứu lấp đầy khoảng trống lý thuyết về KTQTCL trong môi trường giáo dục tư thục, đồng thời cung cấp các hàm ý quản trị thiết thực giúp các trường tái cấu trúc hệ thống thông tin, tối ưu hóa nguồn lực và phát triển bền vững.

• Từ khóa: *kế toán quản trị chiến lược, đại học ngoài công lập, tự chủ tài chính, lý thuyết tình huống, lý thuyết thể chế.*

In the context of financial autonomy and intense competition, Strategic Management Accounting (SMA) is a pivotal tool for private universities in Vietnam to sustain a competitive advantage. However, its practical application remains limited, and systematic research on the topic is scarce. This study aims to identify and analyze the factors affecting SMA implementation in these institutions. Drawing on a combination of contingency theory and institutional theory, the study employs a qualitative approach through literature analysis. The findings reveal two main groups of factors. Externally, market competition pressure and the legal framework act as driving forces for the transition. Internally, leadership commitment, the strategic mindset of accounting personnel, information technology infrastructure, and the university's competitive strategy are key determinants of implementation effectiveness. This research fills a theoretical gap regarding SMA in the private higher education sector. It also provides practical managerial implications for universities to restructure their information systems, optimize resources, and achieve sustainable development.

• Key words: *strategic management accounting, private universities, financial autonomy, contingency theory, institutional theory.*

Ngày nhận bài: 25/3/2026
Ngày gửi phản biện: 20/5/2026
Ngày duyệt đăng: 02/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.24

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học Việt Nam những năm gần đây chứng kiến sự lớn mạnh của khối trường ngoài công lập. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), cả nước có gần 70 trường đại học tư thục, chiếm khoảng một phần tư tổng số cơ sở giáo dục đại học. Điểm khác biệt căn bản của nhóm trường này là cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính; nguồn thu gần như phụ thuộc duy nhất vào học phí. Điều này đặt họ vào môi trường cạnh tranh gay gắt về tuyển sinh, chất lượng dịch vụ và yêu cầu tối ưu hóa chi phí để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Trong bối cảnh ấy, hệ thống kế toán quản trị truyền thống — vốn thiên về ghi chép và phân tích thông tin quá khứ - dần bộc lộ sự hạn chế, không đủ năng lực nâng đỡ các quyết định mang tầm chiến lược (Namazi & Rezaei, 2024). Kế toán quản trị chiến lược (KTQTCL) xuất hiện như một bước chuyển tất yếu, cung cấp thông tin hướng ngoại, bao gồm dữ liệu tài chính và phi tài chính, gắn với phân tích đối thủ và định vị chiến lược (Cadez & Guilding, 2008). Dù có giá trị rõ rệt, KTQTCL lại được áp dụng khá mờ nhạt tại các trường ngoài công lập, thiếu tính hệ thống và chưa thể hiện vai trò tham mưu chiến lược (Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2021; Phạm Huy Hùng, 2023).

Thực tiễn đòi hỏi cấp bách nhưng ứng dụng thực tế còn chậm, tạo nên một khoảng trống nghiên cứu đáng kể. Nhiều công trình trước đây chủ yếu tập trung vào doanh nghiệp sản xuất hoặc trường công lập đang

** Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; email: huonghd.ecore@gmail.com*

chuyển sang tự chủ (Lan và cộng sự, 2025; Anh và cộng sự, 2024), trong khi đặc thù "nửa học thuật - nửa kinh doanh" của các trường ngoài công lập vẫn ít được khảo cứu. Vì vậy, nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích tài liệu nhằm hệ thống hóa và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện KTQTCL trong nhóm trường này, bổ sung vào nền tảng lý luận còn thiếu và cung cấp luận cứ cho những cải tổ quản trị giáo dục theo hướng bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm KTQTCL trong các trường đại học

Theo Cadez & Guilding (2008), KTQTCL là quá trình thu thập và phân tích thông tin hướng ngoại nhằm hỗ trợ lãnh đạo hoạch định và kiểm soát chiến lược. Simmonds (1981) nhấn mạnh điểm khác biệt cốt lõi của KTQTCL là sự tập trung vào môi trường cạnh tranh bên ngoài, chứ không chỉ dữ liệu nội bộ như kế toán truyền thống.

Trong bối cảnh các trường đại học ngoài công lập, KTQTCL phản ánh rõ nét tính hai mặt của tổ chức: vừa là thiết chế giáo dục phục vụ xã hội, vừa là đơn vị kinh doanh chịu áp lực tồn tại trong thị trường dịch vụ giáo dục cạnh tranh. Vì vậy, KTQTCL cung cấp cho nhà quản trị cái nhìn toàn cảnh về xu hướng thị trường, hành vi người học, chiến lược của đối thủ và hiệu quả vận hành nội bộ, qua đó giúp cân bằng giữa nhiệm vụ học thuật và yêu cầu tự chủ tài chính (Phạm Quang Huy, 2018; Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2021).

2.2. Lý thuyết nền tảng

Nghiên cứu vận dụng hai hệ lý thuyết: tình huống và thể chế, nhằm tạo khung phân tích đa chiều.

Lý thuyết tình huống cho rằng không tồn tại hệ thống kế toán quản trị phù hợp cho mọi tổ chức; mức độ hiệu quả phụ thuộc vào điều kiện cụ thể như quy mô, chiến lược và công nghệ quản lý (Chenhall, 2003). Với trường ngoài công lập, sự đa dạng về mô hình quản trị và nguồn lực đòi hỏi mỗi đơn vị phải tự thiết kế hệ thống KTQTCL phù hợp đặc thù riêng.

Lý thuyết thể chế bổ sung góc nhìn về tác động từ môi trường bên ngoài. Với hệ thống pháp lý quản lý chặt chẽ và kỳ vọng xã hội cao đối với giáo dục, các trường đại học không chỉ theo đuổi mục tiêu hiệu quả mà còn phải duy trì tính hợp pháp và uy tín (DiMaggio & Powell, 1983).

Sự kết hợp hai lý thuyết tạo nên khung giải thích mạch lạc: yếu tố nội tại quyết định tính phù hợp của hệ thống, trong khi yếu tố thể chế chi phối áp lực tuân thủ và chuẩn mực hành xử. Đây cũng là nền tảng để nghiên cứu nhận diện các nhân tố tác động đến việc thực hiện KTQTCL.

2.3. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, KTQTCL đã mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là giáo dục đại học. Nhiều tổng quan gần đây (Ojra và cộng sự, 2021; Maelah và cộng sự, 2022) khẳng định KTQTCL góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và ra quyết định chiến lược trong các tổ chức dịch vụ. Marlina & Tjahjadi (2020) cho rằng KTQTCL đặc biệt cần thiết cho các trường đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa và yêu cầu phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, hướng nghiên cứu này phát triển mạnh nhưng chủ yếu tập trung vào doanh nghiệp sản xuất, vận tải hoặc doanh nghiệp niêm yết (Đỗ Thị Thu Thảo, 2022; Vu và cộng sự, 2022). Các nghiên cứu về giáo dục mới chỉ dừng ở phân tích nhu cầu và bước đầu triển khai (Phạm Quang Huy, 2018; Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2021), trong khi các nghiên cứu thực nghiệm lại chủ yếu khảo sát trường công lập tự chủ (Phan Thị Thùy Nga, 2020).

Từ tổng hợp tài liệu có thể thấy khoảng trống rõ rệt: thiếu vắng các phân tích lý thuyết và mô hình hóa dành riêng cho nhóm trường ngoài công lập — nơi chịu áp lực kép giữa sứ mệnh giáo dục và yêu cầu tự chủ tài chính. Nghiên cứu này nhằm bổ khuyết khoảng trống ấy bằng khung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện KTQTCL trong bối cảnh Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp định tính thông qua phân tích tài liệu - phù hợp với bối cảnh KTQTCL trong giáo dục ngoài công lập vẫn còn mới tại Việt Nam. Tác giả thu thập các tài liệu học thuật có giá trị cao, gồm bài báo, sách chuyên khảo trong và ngoài nước cùng các văn bản pháp lý quan trọng như Luật Giáo dục đại học 2025, Luật Kế toán và các quy định hướng dẫn về tự chủ tài chính.

Dữ liệu được xử lý qua các bước: đọc chú giải, phân loại chủ đề, so sánh quan điểm và tổng hợp logic để nhận diện các nhân tố tác động. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng mô hình lý thuyết có tính hệ thống và độ tin cậy cao, làm nền tảng cho các luận giải và kiến nghị tiếp theo.

4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược

Kế thừa khung phân tích từ lý thuyết tình huống (Chenhall, 2003) và lý thuyết thể chế (DiMaggio & Powell, 1983), kết hợp với việc tổng hợp, đối chiếu các tài liệu thứ cấp về đặc thù hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập tại Việt Nam, bài viết nhận diện và phân loại các nhân tố ảnh hưởng thành hai nhóm cơ bản: nhóm nhân tố nội tại và nhóm nhân tố thuộc môi trường bên ngoài.

4.1. Nhóm nhân tố bên trong (nội tại trường đại học)

Theo lý thuyết tình huống, hệ thống kế toán quản trị chiến lược (KTQTCL) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các đặc điểm nội tại của tổ chức (Đoàn Tất Thành & Đỗ Hà Chi, 2025). Đối với các trường đại học ngoài công lập, các nhân tố chủ yếu gồm:

(1) Nhận thức và cam kết của Hội đồng trường và Ban Giám hiệu

Trong mô hình đại học ngoài công lập, Hội đồng trường vừa là cơ quan quản trị cao nhất vừa mang vai trò nhà đầu tư. Vì vậy, nhận thức của lãnh đạo cấp cao có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành và vận hành KTQTCL (Đặng Thị Thúy, 2025).

Nếu lãnh đạo vẫn duy trì tư duy quản lý truyền thống, chỉ tập trung vào kiểm soát thu chi và nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, hệ thống thông tin chiến lược khó có cơ hội phát triển. Ngược lại, khi có tầm nhìn dài hạn, nhà quản trị sẽ có nhu cầu mạnh mẽ về thông tin dự báo phục vụ quyết định chiến lược như mở ngành mới, mở cơ sở đào tạo hay điều chỉnh học phí. Các quyết định này đòi hỏi dữ liệu về xu hướng thị trường, hành vi người học và chiến lược đối thủ (Hoàng Đình Hương, 2015). Chính nhu cầu này tạo động lực để đầu tư nguồn lực và tái cấu trúc hệ thống kế toán theo hướng chiến lược.

(2) Trình độ và năng lực nhân sự kế toán

Chuyển đổi từ kế toán truyền thống sang KTQTCL đòi hỏi nâng cao đáng kể chất lượng nhân sự. Thực tế tại Việt Nam cho thấy nhiều kế toán viên vẫn thiên về kỹ năng ghi nhận tuân thủ, trong khi năng lực phân tích và tư duy kinh doanh còn hạn chế (Lê Thị Mỹ Nương, 2021; Ngô Hoàng Anh và cộng sự, 2023).

Trong môi trường đại học, kế toán quản trị chiến lược đòi hỏi khả năng phân tích chi phí hiện đại, hiểu chuỗi giá trị giáo dục và liên kết dữ liệu tài chính - phi tài chính. Kế toán viên cần đánh giá được tác động của các khoản đầu tư như cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên đến các chỉ số như tuyển sinh, mức độ hài lòng hay việc làm sau tốt nghiệp. Sự thiếu hụt năng lực tổng hợp và tham mưu chiến lược khiến nhiều trường chưa thể triển khai hiệu quả KTQTCL (Đặng Thị Thúy, 2025).

(3) Hệ thống công nghệ thông tin

KTQTCL không thể vận hành hiệu quả nếu thiếu nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. Thực tế cho thấy dữ liệu trong các trường đại học thường bị phân mảnh: phòng đào tạo quản lý học tập, phòng tuyển sinh quản lý thị trường, phòng công tác sinh viên theo dõi mức độ hài lòng, trong khi phòng tài chính quản lý dòng tiền (Đào Tuyết Lan & Hà Xuân Thạch, 2015).

Mức độ tích hợp của hệ thống công nghệ quyết định khả năng thu thập, liên thông và xử lý dữ liệu theo thời gian thực (Đoàn Tất Thành & Đỗ Hà Chi, 2025). Các trường chưa đầu tư đồng bộ sẽ gặp khó khăn khi áp dụng các công cụ như thẻ điểm cân bằng hay phân tích chuỗi giá trị.

(4) Định hướng chiến lược cạnh tranh

Chiến lược cạnh tranh ảnh hưởng trực tiếp đến cách thiết kế KTQTCL (Cadez & Guilding, 2008). Các trường ngoài công lập thường theo hai hướng:

- Chiến lược dẫn đầu chi phí: tập trung phân khúc đại trà, học phí thấp. Hệ thống kế toán ưu tiên kiểm soát chi phí, như kế toán chi phí mục tiêu để tối ưu vận hành.

- Chiến lược khác biệt hóa: định vị chất lượng cao, chương trình quốc tế, dịch vụ vượt trội. Nhóm này chú trọng công cụ đo lường hiệu quả đa chiều và phân tích đối thủ để duy trì lợi thế cạnh tranh (Phan Thị Thùy Nga, 2020).

Sự phù hợp giữa chiến lược và công cụ kế toán là điều kiện quan trọng để KTQTCL phát huy hiệu quả.

4.2. Nhóm nhân tố bên ngoài (môi trường vĩ mô và ngành)

Theo lý thuyết thể chế, các trường đại học ngoài công lập chịu tác động mạnh từ môi trường pháp lý và cạnh tranh ngành (DiMaggio & Powell, 1983).

(1) Mức độ cạnh tranh của thị trường giáo dục

Thị trường giáo dục đại học Việt Nam đang cạnh tranh ngày càng gay gắt do sự mở rộng của các chương trình liên kết quốc tế và quá trình tự chủ của các trường công lập. Điều này làm gia tăng áp lực tuyển sinh và cạnh tranh trực tiếp giữa hai khối công - tư.

Trong môi trường biến động, nhu cầu thông tin chiến lược tăng cao (Đoàn Tất Thành & Đỗ Hà Chi, 2025). Các trường ngoài công lập buộc phải phân tích đối thủ, điều chỉnh học phí linh hoạt và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua học bổng, cam kết việc làm hoặc cải thiện trải nghiệm người học.

Nếu thiếu hệ thống dữ liệu chiến lược để đánh giá chi phí - lợi ích, các quyết định đầu tư có thể thiếu chính xác, dẫn đến suy giảm nguồn lực. Vì vậy, cạnh tranh thị trường chính là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới KTQTCL.

(2) Hành lang pháp lý và chính sách Nhà nước

Dù KTQTCL chủ yếu phục vụ nội bộ, nhưng môi trường pháp lý lại đóng vai trò tạo áp lực thể chế thúc đẩy hình thành hệ thống này.

Luật Giáo dục đại học 2025 và các văn bản liên quan yêu cầu minh bạch thông tin, trách nhiệm giải trình và đảm bảo chất lượng tương xứng với học phí.

Đồng thời, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng buộc trường phải thu thập dữ liệu phi tài chính như tỷ lệ giảng viên cơ hữu, diện tích đào tạo, tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp (Hoàng Đình Hương, 2015).

Song song đó, Bộ Tài chính ngày càng hoàn thiện chế độ kế toán, góp phần nâng cao tính minh bạch trong quản trị tài chính công và giáo dục. Những yêu cầu này tạo ra áp lực chuẩn hóa dữ liệu, qua đó hình thành nền tảng quan trọng để các trường tích hợp và phát triển hệ thống KTQTCL.

Các nhân tố ảnh hưởng đến KTQTCL trong trường đại học ngoài công lập gồm hai nhóm chính: nội tại (nhận thức lãnh đạo, năng lực kế toán, công nghệ thông tin, chiến lược cạnh tranh) và bên ngoài (cạnh tranh thị trường, hành lang pháp lý). Sự tương tác giữa hai nhóm nhân tố này quyết định mức độ hình thành và hiệu quả triển khai KTQTCL trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu này khẳng định rằng việc thực hiện KTQTCL không còn là một lựa chọn tự nguyện, mà là một điều kiện tiên quyết đối với các trường đại học ngoài công lập tại Việt Nam. Thông qua phân tích tài liệu, nghiên cứu xác định rõ sức ép cạnh tranh từ thị trường đóng vai trò là động lực thúc đẩy trực tiếp, buộc các cơ sở giáo dục phải chuyển đổi hệ thống thông tin. Đồng thời, sự cam kết của Ban lãnh đạo, năng lực tư duy chiến lược của nhân sự kế toán và nền tảng công nghệ thông tin là ba trụ cột nội tại quyết định mức độ hiệu quả của quá trình này. Việc nhận diện hệ thống các nhân tố này cung cấp một khung lý thuyết vững chắc và toàn diện. Từ đó, các trường đại học có thể kiến tạo một hệ thống dữ liệu chiến lược, tối ưu hóa bài toán chi phí - lợi ích và bảo đảm lợi thế cạnh tranh bền vững trong bối cảnh hội nhập giáo dục toàn cầu.

5.2. Hàm ý thực tiễn

Từ các kết luận trên, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý thực tiễn nhằm thúc đẩy việc thực hiện KTQTCL tại các trường đại học ngoài công lập ở Việt Nam như sau:

Đối với Hội đồng trường và Ban giám hiệu: Lãnh đạo cấp cao cần thay đổi triệt để tư duy quản trị, chuyển từ việc xem kế toán là công cụ ghi chép tuân thủ sang vai trò đối tác chiến lược. Ban lãnh đạo phải trực tiếp khởi tạo và duy trì cam kết đầu tư nguồn lực tài chính cho hạ tầng công nghệ thông tin và đào tạo nhân sự. Đặc biệt, cần thiết lập cơ chế quản trị mang tính bắt buộc: yêu cầu phải có dữ liệu phân tích KTQTCL trong mọi quyết định mở ngành mới, đầu tư cơ sở vật chất hay các chương trình tuyển sinh trọng điểm nhằm lượng hóa rủi ro và hiệu quả chi phí - lợi ích.

Đối với bộ phận kế toán: Đội ngũ nhân sự cần chủ động bứt phá khỏi các nghiệp vụ truyền thống để nâng cao năng lực phân tích dữ liệu và tư duy chiến lược. Thay vì chỉ cung cấp báo cáo tài chính trong quá khứ, bộ phận kế toán phải tái định vị thành trung tâm phân tích: cung cấp các kịch bản dự báo tài chính, phân tích đối thủ cạnh tranh và đánh giá chuỗi giá trị của nhà trường. Việc ứng dụng các công cụ hiện đại như Thẻ điểm cân bằng (BSC) hay Kế toán chi phí theo hoạt động (ABC) cần được thiết kế và triển khai từng bước, bám sát đặc thù vận hành của từng trường.

Đối với các nhà hoạch định chính sách: Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng Bộ Tài chính cần phối hợp ban hành các khung hướng dẫn mang tính gợi mở về KTQTCL dành riêng cho lĩnh vực giáo dục đại học. Việc xây dựng một hành lang pháp lý linh hoạt, khuyến khích sự minh bạch thông tin quản trị sẽ tạo động lực để các trường ngoài công lập chuẩn hóa hệ thống dữ liệu, qua đó nâng cao năng lực giải trình với xã hội và người học.

Tài liệu tham khảo:

Anh, N. T. L., Hằng, T. T. T., & Hoa, N. T. (2024). Kế toán quản trị chiến lược trong các trường đại học công lập Việt Nam: So sánh theo cấu trúc tổ chức. TNU Journal of Science and Technology, 229(03), 59-65.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 khối giáo dục đại học. Truy cập từ https://moet.gov.vn

Cadez, S., & Guilding, C. (2008). An exploratory investigation of an integrated contingency model of strategic management accounting. Accounting, Organizations and Society, 33(7-8), 836-863.

Chenhall, R. H. (2003). Management control systems design within its organizational context: Findings from contingency-based research and directions for the future. Accounting, Organizations and Society, 28(2-3), 127-168.

Đặng Thị Thúy. (2025). Nâng cao hiệu quả tài chính qua tích hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính nghiên cứu tại các trường đại học ngoài công lập. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển (Trường Đại học Thành Đô), 4(2), 51-59.

Đào Tuyết Lan, & Hà Xuân Thạch. (2015). Kế toán quản trị tại các trường đại học ngoài công lập - thực trạng và định hướng giải pháp. Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục, Số 04(08).

DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. American Sociological Review, 48(2), 147-160.

Đoàn Tất Thành, & Đỗ Hà Chi. (2025). Các nhân tố ngẫu nhiên ảnh hưởng đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược trong các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Dự báo.

Đỗ Thị Thu Thảo. (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị chiến lược tại doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Công nghiệp TP.HCM, 58(4), 108-117.

Hoàng Đình Hương. (2015). Tổ chức kế toán quản trị chi phí trong các trường đại học ngoài công lập tại Việt Nam (Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

Lan, T. T. P., Khue, D. H. N., Van, T. H., & Thach, H. X. (2025). Factors affecting the application of strategic management accounting techniques and performance in Vietnamese enterprises. Journal of Finance-Marketing Research, 91-104.

Lê Thị Mỹ Nương. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện kế toán quản trị chiến lược và sự tác động đến thành quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam (Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh).

Maelah, R., Hussein M., B. A., & Amir, A. M. (2022). Strategic management accounting and performance: Mediating effect of knowledge management. The South East Asian Journal of Management, 16(1), 1-24.

Marlina, E., & Tjahjadi, B. (2020). Strategic management accounting and university performance: A critical review. Academy of Strategic Management Journal, 19(2), 1-14.

Namazi, M., & Rezaei, G. (2024, April). Modelling the role of strategic planning, strategic management accounting information system, and psychological factors on the budgetary slack. In Accounting Forum (Vol. 48, No. 2, pp. 279-306). Routledge.

Ngô Hoàng Anh, Nguyễn Trần Thanh Như, & Lê Vũ Hà. (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán quản trị chiến lược tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tạp chí Công Thương.

Nguyễn Thị Thanh Thủy. (2021). Bàn về kế toán quản trị chiến lược trong các cơ sở giáo dục đại học. Tạp chí Tài chính, (754), 112-114.

Ojra, J., Opute, A. P., & Alsolmi, M. M. (2021). Strategic management accounting and performance implications: a literature review and research agenda. Future Business Journal, 7(1), 1-17.

Phạm Quang Huy. (2018). Tổ chức kế toán quản trị chiến lược tại các trường đại học ở Việt Nam. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, (178), 35-39.

Phạm Huy Hùng. (2023). Ảnh hưởng của thực hành kế toán quản trị chiến lược đến sự hài lòng của nhân viên trong doanh nghiệp. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Kỳ 2 tháng 7 (số 244), 83-87.

Phan Thị Thùy Nga. (2020). Kế toán quản trị chiến lược - Góc nhìn về nghiên cứu vận dụng. Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển, 129(5B), 35-46.

Simmonds, K. (1981). Strategic management accounting. Management Accounting, 59(4), 26-29.

Vu, T. K. A., Dam, B. H., & Ha, T. T. V. (2022). Factors affecting the application of strategy management accounting in Vietnamese logistics enterprises. Journal of Distribution Science, 20(1), 27-39.